

Số: 24 /2021/CV
V/v giải trình về biến động KQKD của quý
1/2021 so với quý 1/2020

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ khoản a điểm 4, điều 14, thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo quý 1 năm 2021 so với báo cáo quý 1 năm 2020 có biến động từ 10% trở lên như sau:

STT	Chỉ tiêu	Q1/2021	Q1/2020	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	2,585,655,530	1,524,221,226	1,061,434,304	69.64%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1,491,836,241	253,533,878	1,238,302,363	488.42%
3	Chi phí hoạt động	1,746,349,537	1,331,731,666	414,617,871	31.13%
4	Chi phí tài chính	(2,343,793,591)	2,322,032,588	(4,665,826,179)	(200.94%)
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,977,765,281	(2,437,943,557)	5,676,031,851	263.16%

Đặc thù kinh doanh của Công ty là đầu tư chứng khoán, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của chúng tôi phụ thuộc:

- Với các khoản đầu tư ngắn hạn việc quyết định bán chốt lời/lỗ phụ thuộc tình hình của thị trường chứng khoán mà thị trường thì biến động thường xuyên .
- Với các khoản đầu tư dài hạn thì lợi nhuận hạch toán phụ thuộc thời điểm chi trả cổ tức của DN.

Vì những lý do trên vậy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của chúng tôi có biến động lớn giữa các kỳ. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2021 với với quý 1 năm 2020 tăng 263.16%, cụ thể như sau:

- Doanh thu quý 1 năm 2021 tăng 69.64% so với cùng kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính quý 1 năm 2021 tăng 488.42% so với cùng kỳ.
- Chi phí hoạt động quý 1 năm 2021 tăng 31.13% so với cùng kỳ
- Chi phí tài chính quý 1 năm 2021 giảm 200.94% so với cùng kỳ

Kính báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

- Nơi nhận:
- Như trên
 - Lưu Công ty

Người thực hiện công bố thông tin

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
I.P.A
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồ Nga

Số: 40/2021/CBTT
V/v CBTT Báo cáo tài chính quý 1.2021

Ngày: 19 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công ty: TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA
Trụ sở chính: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39410510 Fax: 04.39410500
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hồ Nga
Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan): 0903473737 Fax: 04.9724600
Loại thông tin công bố: 24h 72h yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin Công bố:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2021.
- Giải trình về biến động kết quả kinh doanh quý 1/2021 so với quý 1/2020.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin trên:
<http://www.ipaam.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồ Nga

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
đầu tư Chứng khoán I.P.A**

**Báo cáo tài chính Quý 1 cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93,839,259,504	90,286,910,406
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	921,983,291	7,040,439,445
1. Tiền	111		174,400,018	224,824,302
2. Các khoản tương đương tiền	112		747,583,273	6,815,615,143
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	89,185,378,678	77,665,575,477
1. Chứng khoán kinh doanh	121		89,526,976,472	81,359,561,877
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(341,597,794)	(3,693,986,400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,499,754,529	5,151,773,434
1. Phải thu khách hàng	131	7	2,137,884,248	3,862,404,392
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	1,361,870,281	1,289,369,042
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		232,143,006	429,122,050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		182,291,758	314,885,715
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	49,851,248	114,236,335
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24,702,133,482	24,705,739,039
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24,600,000,000	24,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	20,000,000,000	20,000,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	4,600,000,000	4,600,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		102,133,482	105,739,039
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25,436,357	29,041,914
2. Tài sản dài hạn khác	268		76,697,125	76,697,125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118,541,392,986	114,992,649,445
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,272,497,849	2,701,519,589
I. Nợ ngắn hạn	310		2,272,497,849	2,701,519,589
1. Phải trả người bán	312	11	658,640,008	70,498,774
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	78,556,055	207,924,415
3. Chi phí phải trả	316		176,000,000	176,000,000
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	144,301,786	120,846,400
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1,215,000,000	2,126,250,000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116,268,895,137	112,291,129,856
1. Vốn góp đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	417		1,574,926,795	1,574,926,795
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,574,926,795	1,574,926,795
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,119,041,547	9,141,276,266
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118,541,392,986	114,992,649,445

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		40,865,410,000	40,815,410,000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		22,820,000,000	22,820,000,000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	20	42,392,515	105,879,871
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	509,885,014,670	509,885,086,934
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	330,126,270	454,255,136

Người lập biểu



Trần Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 16 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
			Quý 1/2021	Quý 1/2020	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	14	2,585,655,530	1,524,221,226	2,585,655,530	1,524,221,226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2,585,655,530	1,524,221,226	2,585,655,530	1,524,221,226
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	15	1,746,349,537	1,331,731,666	1,746,349,537	1,331,731,666
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		839,305,993	192,489,560	839,305,993	192,489,560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1,491,836,241	253,533,878	1,491,836,241	253,533,878
7. Chi phí tài chính	22	17	(2,343,793,591)	2,322,032,588	(2,343,793,591)	2,322,032,588
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	632,785,457	561,934,407	632,785,457	561,934,407
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,042,150,368	(2,437,943,557)	4,042,150,368	(2,437,943,557)
10. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
11. Chi phí khác	32		-	-	-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	-	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,042,150,368	(2,437,943,557)	4,042,150,368	(2,437,943,557)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	64,385,087	-	64,385,087	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3,977,765,281</u>	<u>(2,437,943,557)</u>	<u>3,977,765,281</u>	<u>(2,437,943,557)</u>

Người lập biểu



Trần Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 16 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QŨY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,042,150,368	(2,437,943,557)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	(3,352,388,606)	(132,822,780)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(628,907,867)	(2,116,643,300)
- Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60,853,895	(4,687,409,637)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6,515,395,690)	7,633,201,050
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(429,021,740)	90,193,095
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	136,199,514	(86,891,278)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	53,655,279
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6,747,364,021)	3,002,748,509
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	628,907,867	12,448,293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	628,907,867	12,448,293

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	0	0	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6,118,456,154)	3,015,196,802	
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	7,040,439,445	10,323,730,265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	921,983,291	13,338,927,067

Lập ngày 16 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nga

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A
 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 1 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B05-CTQ

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
	1/1/2021	1/1/2020	2021		2021		31/03/2021	31/03/2020
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	100,000,000,000					100,000,000,000	100,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,574,926,795	1,600,135,105					1,574,926,795	1,600,135,105
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,574,926,795	1,600,135,105					1,574,926,795	1,600,135,105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9,141,276,266	9,085,120,406	3,977,765,281		(2,437,943,557)		13,119,041,547	6,647,176,849
	112,291,129,856	112,285,390,616	3,977,765,281		(2,437,943,557)		116,268,895,137	109,847,447,059

Ngày 16 tháng 04 năm 2021

Người lập



Bà Trần Thị Minh Phương
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 3 năm 2008.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC – UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT sở hữu 100% cổ phần của Công ty. Công ty mẹ trước đây là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

(c) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 20 nhân viên (31/03/2020: 18 nhân viên).

(d) Công ty con

Tại ngày 31/03/2021, Công ty có 01 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24/01/2019	Công thông tin	20 tỷ đồng	100%

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Thông tư 200 đến các chính sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty là không đáng kể.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) **Đầu tư và dự phòng giảm giá đầu tư**

(i) **Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán**

Phân loại

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết, được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.
- Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(d) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vòng 2 - 3 năm.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(g) Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

(h) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Doanh thu

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(l) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(m) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng	174,400,018	224,824,302
Các khoản tương đương tiền (*)	747,583,273	6,815,615,143
Tiền và các khoản tương đương tiền	921,983,291	7,040,439,445

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất cố định 3%/năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư ngắn hạn (i)		
- Cổ phiếu niêm yết	70,433,056,327	61,865,641,732
- Trái phiếu chưa niêm yết	18,493,920,145	18,493,920,145
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	600,000,000	1,000,000,000
	89,526,976,472	81,359,561,877
Dự phòng giảm giá đầu tư (ii)	(341,597,794)	(3,693,986,400)
	89,185,378,678	77,665,575,477

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết		70,433,056,327		61,865,641,732
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện - PTI	2,589,341	33,060,341,600	2,589,341	33,060,341,600
Công ty CP tập đoàn IPA	1,337,200	25,406,800,000	1,337,200	25,406,800,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	75,000	1,342,500,000
Công ty CP phân bón Bình Điền	16,000	301,100,000	70,000	1,190,000,132
Công ty CP Vinhomes	35,000	3,546,500,000	10,000	866,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10,000	991,800,000		
Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	20,000	704,000,000		
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	25,000	3,321,500,000		
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	4,000	319,216,933		
Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	20,000	1,701,797,794		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10,000	287,500,000		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20,000	792,500,000		
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		600,000,000		1,000,000,000
Trái phiếu		18,493,920,145		18,493,920,145
TP Đất xanh	20,000	2,032,900,000	20,000	2,032,900,000
Công ty CP tập đoàn Hà Đô	163,200	16,461,020,145	163,200	16,461,020,145
		89,526,976,472		81,359,561,877

Trong đó cổ phiếu bị giảm giá:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty CP Vinhomes	35,000	3,546,500,000		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10,000	991,800,000		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	20,000	704,000,000		
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	25,000	3,321,500,000		
Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	20,000	1,701,797,794		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10,000	287,500,000		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội			75,000	1,342,500,000
Công ty CP tập đoàn IPA			1,337,200	25,406,800,000
Cộng		10,553,097,794		26,749,300,000

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	(3,693,986,400)	(132,822,780)
Trích lập dự phòng/Hoàn nhập trong kỳ	3,352,388,606	132,822,780
Số dư cuối kỳ	(341,597,794)	-

7. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	330,126,270	454,255,136
Trung tâm giao dịch chứng khoán	1,546,050,000	3,178,000,000
Quỹ đầu tư chủ động VND	185,465,044	156,286,275
Quỹ đầu tư trái phiếu VND	76,242,934	73,862,981
Cộng	2,137,884,248	3,862,404,392

8. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu cổ tức	215,000,000	215,000,000
Phải thu tiền dự thu trái tức Hà Đơ	979,330,686	979,330,686
Thù lao HĐQT trả hộ Quỹ đầu tư chủ động VND	106,103,343	45,000,000
Thù lao HĐQT trả hộ Quỹ đầu tư trái phiếu VND	36,000,000	36,000,000
Phải thu khác	25,436,252	14,038,356
Cộng	1,361,870,281	1,289,369,042

9. Đầu tư vào công ty con

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH IVND (sở hữu 100%)

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP chứng khoán Vndirect	51,264,568	42,410,812
Công ty CP Finhay Việt Nam	22,250,000	22,662,500
Công ty TNHH Saturn	180,125,440	5,425,462
Công ty CP DV TM tin học đầu tư xây dựng Đông Dương	405,000,000	-
Cộng	658,640,008	70,498,774

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản thuế phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	49,851,248	114,236,335
Thuế thu nhập cá nhân	78,556,055	207,924,415
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng	78,556,055	207,924,415

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	116,975,446	109,475,446
Phải trả khác	27,326,340	11,370,954
Cộng	144,301,786	120,846,400

14. Doanh thu

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Doanh thu phí quản lý danh mục	1,830,101,529	1,106,760,349
Doanh thu quản lý quỹ mở	602,500,238	401,341,713
Doanh thu phí giao dịch quỹ mở	153,053,763	16,119,164
Cộng	2,585,655,530	1,524,221,226

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Chi phí nhân viên	1,507,055,000	1,257,000,477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239,294,537	74,731,189
Cộng	1,746,349,537	1,331,731,666

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6,789,041	12,448,293
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1,324,231	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18,800,000	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	1,464,922,969	241,085,585
Cộng	1,491,836,241	253,533,878

17. Chi phí tài chính

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3,352,388,606)	(132,822,780)
Lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán	862,928,374	2,357,728,885
Phí mua bán chứng khoán	145,666,641	97,126,483
Cộng	(2,343,793,591)	2,322,032,588

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	410,221,783	384,718,741
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219,563,674	174,215,666
Cộng	632,785,457	561,934,407

19. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	64,385,087	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Quý 1/2021 VND	Quý 1/2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	4,042,150,368	(2,437,943,557)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(18,800,000)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(18,800,000)	-
Chuyển lỗ từ các năm trước sang 2021	(3,701,424,932)	-

Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	804,822,074	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 của Bộ Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế do tổng doanh thu năm trước liền kề không vượt quá 20 tỷ VND (2014: 20%). Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

20. Báo cáo về hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 2 nhà đầu tư ủy thác (31/12/2020: 2 nhà đầu tư ủy thác). Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

(i) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-
Công ty Cổ phần Camellia	42,392,515	105,879,871
Cộng	42,392,515	105,879,871

(ii) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	509,885,014,670	509,885,086,934
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	509,885,014,670	509,885,014,670
Trong đó: Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	-	-
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	-	72,264
Cộng	509,885,014,670	509,885,086,934

(iii) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả phí quản lý danh mục	330,126,270	454,255,136

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	Chủ sở hữu cũ, bên liên quan của Công ty mẹ Công ty mẹ Cùng công ty mẹ Cùng công ty mẹ Công ty con	
	Số dư tại ngày	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (<i>Công ty mẹ</i>)		
Vốn góp	(100,000,000,000)	(100,000,000,000)
Tài khoản giao dịch chứng khoán	347,583,273	6,815,615,143
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	330,126,270	454,255,136
Danh mục đầu tư ủy thác	266,885,014,670	266,885,086,934
Phải trả phí đại lý bổ sung cho quỹ mở VNDAF	51,264,568	(42,410,812)
Phải trả phí giao dịch phát hành/mua lại cho đại lý phân phối CCQ VNDAF	22,165,485	-
Quỹ đầu tư chủ động VND		
Phí quản lý và phí giao dịch Quỹ mở	139,303,797	107,328,183
Doanh thu phí IPO Chứng chỉ quỹ	46,161,247	48,958,092
Thù lao Ban Đại diện quỹ IPAAM trả hộ	45,000,000	45,000,000
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ trả hộ cho đại lý phân phối	61,103,343	-
Quỹ đầu tư trái phiếu VND		
Phí quản lý Quỹ mở	76,242,934	73,862,981
Thù lao Ban Đại diện quỹ quý IPAAM trả hộ	36,000,000	36,000,000
Công ty TNHH IVND		
Góp vốn	20,000,000,000	20,000,000,000
	Giá trị giao dịch	
	Quý 1 năm 2021 VND	Quý 1 năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (<i>Công ty mẹ</i>)		
Phí quản lý danh mục đầu tư	1,830,101,529	1,106,760,349
Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	1,104,771	4,368,073
Phí giao dịch và phí lưu ký	145,666,641	97,126,483
Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDAF	126,239,465	9,295,814
Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở VNDBF	8,123,934	-
Quỹ đầu tư chủ động VND		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	379,696,673	214,764,280
Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ	153,053,763	16,119,164
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	50,402,705	61,830,478

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A **Mẫu B09-CTQ**
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Phải thu phí phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ trả hộ cho đại lý phân phối	61,103,343	-
Quỹ đầu tư trái phiếu VND		
Phải thu phí quản lý Quỹ mở	222,803,565	186,577,433
Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	43,277,029	39,040,101

Ngày 16 tháng 04 năm 2021

Người lập

Bà Trần Thị Minh Phương
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

